

Số: 179 /QĐ-SGDĐT

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi cấp chứng chỉ
ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 18/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 23/4/2022 tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa;

Căn cứ Tờ trình số 13/TTr-TTNN-THBK ngày 26/4/2022 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa về việc đề nghị công nhận kết quả Kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 23/4/2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Công nghệ thông tin Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả của 79 thí sinh đạt yêu cầu trong kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 23/4/2022 tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa (danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh có kết quả đạt yêu cầu được Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và được hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị, tư tưởng, Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Công nghệ thông tin, trưởng các phòng chức năng của Sở, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa và các thí sinh có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLCL-CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Tường Hiệp

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU TRONG KỲ THI, CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN TẠI TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC BẠCH KHOA
Khóa ngày 23/4/2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số 179 /QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CMND/SỐ CCCD	GHI CHÚ
							LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
01	Trình Tuấn	07	01	2004	Đắk Lắk	Nam	16	50	66	Đạt	66204002399	
02	Thào Văn	02	4	1997	Cao Bằng	Nam	18	48	66	Đạt	67097006459	
03	Nguyễn Thị Quỳnh	24	4	1987	Đắk Lắk	Nữ	16	53	69	Đạt	66187002662	
04	Nguyễn Thành	27	01	2005	Đắk Lắk	Nam	18	50	68	Đạt	66205001399	
05	H'	10	12	2004	Đắk Lắk	Nữ	18	47	65	Đạt	241981057	
06	Mai Trần Khánh	18	3	2004	Đắk Lắk	Nam	22	47	69	Đạt	66204004389	
07	H'	26	9	2004	Đắk Lắk	Nữ	17	47	64	Đạt	241979487	
08	Adrong	28	4	2005	Đắk Lắk	Nữ	17	44	61	Đạt	66305014755	
09	Nguyễn Lê Khánh	15	6	2005	Đắk Lắk	Nữ	17	47	64	Đạt	066305019001	
10	Nguyễn Thúy	03	7	2004	Đắk Lắk	Nữ	18	50	68	Đạt	66304012239	
11	Lê Thị Mỹ	22	5	1988	Đắk Lắk	Nữ	23	51	74	Đạt	240970472	
12	Nguyễn Thị Thu	10	10	1998	Đắk Lắk	Nữ	21	48	69	Đạt	6619800462	
13	Trần Thị Thu	15	5	2003	Đắk Lắk	Nữ	18	51	69	Đạt	66303004618	
14	Nguyễn Thị Lan	06	5	1981	Đắk Lắk	Nữ	24	52	76	Đạt	40181004151	
15	Cầm Việt	09	8	2004	Đắk Lắk	Nam	22	46	68	Đạt	066204013478	
16	Lữ Tuấn	06	9	2004	Đắk Lắk	Nam	21	49	70	Đạt	038204027765	
17	Võ Thành	01	01	2004	Bến Tre	Nam	18	44	62	Đạt	083204001943	
18	Hoàng Thị	16	5	2004	Đắk Lắk	Nữ	22	65	87	Đạt	066304019133	
19	Lương Văn	18	8	2004	Đắk Lắk	Nam	24	62	86	Đạt	066204008229	
20	Hoàng Khánh	24	10	2005	Đắk Lắk	Nam	25	58	83	Đạt	242025717	
21	Phạm Văn	03	11	2005	Hà Tĩnh	Nam	25	52	77	Đạt	042205007285	

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CMND/SỐ CCCD	GHI CHÚ
		18	12	2004			LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
22	Sùng Thúy Hà	13	6	2005	Bắc Cạn	Nữ	19	50	69	Đạt	006304000058	
23	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	24	6	2005	Đắk Lắk	Nữ	20	43	63	Đạt	066305016085	
24	Ngân Mạnh Huy	08	10	2002	Đắk Lắk	Nam	15	41	56	Đạt	066205004597	
25	Thào Văn Huy	01	8	2004	Bắc Cạn	Nam	21	49	70	Đạt	006202000077	
26	Vi Hồng Lĩnh	05	8	2005	Hà Tĩnh	Nam	23	57	80	Đạt	038204026857	
27	Ngô Thị Lơ	10	01	2004	Cao Bằng	Nữ	23	66	89	Đạt	004305003313	
28	Lê Văn Long	18	5	2005	Đắk Lắk	Nam	18	37	55	Đạt	242017139	
29	Lý Tuyết Nhung	27	9	2004	Cao Bằng	Nữ	16	36	52	Đạt	004305000908	
30	Trương Văn Phong	13	7	2006	Đắk Lắk	Nam	24	59	83	Đạt	066204014022	
31	Phương Đình Phúc	01	8	2003	Đắk Lắk	Nam	15	49	64	Đạt	066206001074	
32	Trần Minh Sáng	12	10	2003	Bình Thuận	Nam	21	35	56	Đạt	060203014820	
33	Hầu Văn Súa	29	11	2004	Cao Bằng	Nam	23	43	66	Đạt	066203002687	
34	Phạm Thị Thắm	26	4	2003	Đắk Lắk	Nữ	21	38	59	Đạt	066304001334	
35	Triệu Phương Thảo	16	9	2005	Đắk Lắk	Nữ	15	46	61	Đạt	241938625	
36	Dương Thị Thơm	30	6	2006	Đắk Lắk	Nữ	20	43	63	Đạt	066305005355	
37	Trần Thị Thư	24	3	2003	Đắk Lắk	Nữ	16	46	62	Đạt	066306001595	
38	Chu Thị Minh Thương	02	10	2004	Đắk Lắk	Nữ	18	44	62	Đạt	066303016402	
39	Hà Thị Huyền Trang	07	02	2003	Đắk Lắk	Nữ	23	37	60	Đạt	066304004898	
40	Đình Xuân Tú	10	11	1986	Đắk Lắk	Nam	16	37	53	Đạt	241972322	
41	Đàm Thị Xiêm	05	6	2004	Thanh Hóa	Nữ	25	39	64	Đạt	038186032588	
42	Hoàng Thị Xuân	11	6	2002	Cao Bằng	Nữ	17	57	74	Đạt	004304003852	
43	Lưu Hồng Khánh	16	7	1986	Đắk Lắk	Nam	17	44	61	Đạt	66202018760	
44	Nguyễn Quốc Kiên	02	02	1987	Hà Tĩnh	Nam	16	52	68	Đạt	240803339	
45	H Lan Êban	10	4	1993	Đắk Lắk	Nữ	17	68	85	Đạt	66187002529	
46	Lê Thị Mỹ Lệ	29	01	1984	Lâm Đồng	Nữ	16	64	80	Đạt	250956710	
47	Hồ Thị Bảo Linh	13	8	1992	Quảng Ngãi	Nữ	23	65	88	Đạt	241674719	
48	Lê Hoàng Lộc	04	9	1988	Đắk Lắk	Nam	17	52	69	Đạt	241375165	
49	Nguyễn Công Luận				Thái Bình	Nam	19	50	69	Đạt	241853655	



TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CMND/SỐ CCCD	GHI CHÚ
							LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
50	Trần Xuân	Luân	02	10	1991	Nam	17	55	72	Đạt	66091002287	
51	Hồ Thị Hương	Lý	09	11	1995	Nữ	16	55	71	Đạt	66195012177	
52	H	Mi Lan Mlô	01	4	2004	Nữ	17	49	66	Đạt	241981009	
53	Mai Thị	Mạ	15	3	2005	Nữ	18	47	65	Đạt	67305008116	
54	H	Mưon Mlô	13	8	2004	Nữ	16	50	66	Đạt	66304007898	
55	Lương Thị	Nga	30	4	2004	Nữ	20	58	78	Đạt	66304015362	
56	Nguyễn Thị Mộng	Nga	23	02	1990	Nữ	16	55	71	Đạt	66190017989	
57	Nguyễn Xuân Thảo	Uyên	02	02	2001	Nữ	15	61	76	Đạt	241763070	
58	Phan Thị Thảo	Nguyễn	31	3	2001	Nữ	19	56	75	Đạt	66301006502	
59	Lê Thị	Nhung	16	8	1989	Nữ	20	52	72	Đạt	241770773	
60	Nguyễn Thị	Nhung	12	4	1990	Nữ	21	69	90	Đạt	40190039411	
61	Vô Thị Thủy	Nhung	08	6	1990	Nữ	19	57	76	Đạt	241161660	
62	H	Ni Ktưi	08	9	2005	Nữ	18	42	60	Đạt	67305008095	
63	H	Phi La Niê	11	4	2004	Nữ	29	44	73	Đạt	24195648	
64	Y	Phong Ksor	11	9	2003	Nam	25	40	65	Đạt	66203015458	
65	Hoàng Xuân	Phuong	20	01	1982	Nam	17	58	75	Đạt	34082021625	
66	Trần Thanh Ngọc	Quý	06	11	2004	Nam	15	54	69	Đạt	66204012030	
67	H	Rum Byă	29	4	2004	Nữ	23	47	70	Đạt	66304009957	
68	Y	Sê Ba Niê	29	11	2002	Nam	24	41	65	Đạt	241909990	
69	Đinh Quang	Thanh	18	8	1979	Nam	18	51	69	Đạt	241434687	
70	Lê Ngọc Trường	Thịnh	15	12	2004	Nam	22	52	74	Đạt	66204002762	
71	Đỗ Bá	Thượn	18	4	2001	Nam	17	50	67	Đạt	66201014373	
72	Trần Thị Thanh	Thủy	26	11	1989	Nữ	20	69	89	Đạt	241860502	
73	Hồ Thị Thủy	Trang	28	8	1992	Nữ	22	69	91	Đạt	66192001455	
74	Trương Khắc	Triệu	01	12	2004	Nam	21	55	76	Đạt	66204011307	
75	Lương Đức	Trịnh	14	11	1997	Nam	17	48	65	Đạt	245277518	
76	Đoàn Nguyễn Anh	Tú	22	7	2005	Nữ	21	43	64	Đạt	242027642	
77	Nguyễn Ngọc	Tuân	28	5	1999	Nam	15	55	70	Đạt	241770396	

TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM THI CÁC MÔN			TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CMND/SỐ CCCD	GHI CHÚ
							LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH					
78	Vũ Xuân	Tuyên	10	9	1984	Nam	16	62		78	Đạt	66084000785	
79	Phạm Công Trường	Vũ	01	01	2005	Nam	17	52		69	Đạt	66205017322	

Danh sách này có 79 thí sinh